



---

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

---

## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2-4</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>5-6</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	<b>7-38</b>
<i>Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>7- 9</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động năm 2016</i>	<i>10-11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2016</i>	<i>12- 13</i>
<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu năm 2016</i>	<i>14</i>
<i>Bàn thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính năm 2016</i>	<i>15-38</i>



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK – GP ngày 03 tháng 3 năm 2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/ GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013; Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 06/06/2014; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 17/GPĐC-UBCK ngày 5/8/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thay đổi trụ sở chính. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

***Vốn điều lệ theo Quyết định 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008: 135.000.000.000 VND.***

### **Trụ sở hoạt động:**

Địa chỉ : Tầng 5 Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Mã số thuế : 0 1 0 2 6 6 9 3 6 8

### **Các đơn vị trực thuộc :**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 86-88 Phố Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### ***Nghành nghề kinh doanh chính của Công ty là:***

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

### **Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 38).

### **Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm và sau ngày kết thúc năm tài chính**

Liên quan đến vụ tranh chấp với bà Hoàng Kiều Trang, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã ra Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 52/2015/KDTM-PT ngày 08/06/2015 yêu cầu Công ty hoàn trả cho bà Trang số tiền 7.230.000.000 VND (trong đó có 1.230.000.000 VND là tiền bồi thường). Trong tháng 3 năm 2016, Chi cục Thi hành án Nam Từ Liêm ra các quyết định phong tỏa và khấu trừ 3.709.917.513 VND trên tài khoản ngân hàng của Công ty và chuyển cho bà Trang vào ngày 18/06/2016. Ngày 18/07/2016, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đã ra Quyết định số 12/KNGĐT-VC1-KDTM về việc: Kháng nghị toàn bộ đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 52/2015/KDTM-PT ngày 08/06/2015; Yêu cầu Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm xét xử lại; Tạm đình chỉ thi hành án đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 52/2015/KDTM-PT ngày 08/06/2015.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Liên quan đến thông báo thụ lý vụ án tranh chấp giữa bà Đường Thị Quy – chủ tài khoản chứng khoán 083C003060 ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân Quận Nam Từ Liêm yêu cầu Công ty hoàn trả số tiền gốc 4.000.000.000 và lãi suất hàng tháng phát sinh từ số dư trong tài khoản có liên thông với các tài khoản khác đang nợ Công ty chưa có khả năng hoàn trả.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không còn sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

#### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý**

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

##### ***Hội đồng quản trị***

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch
Bà Trần Thị Chung	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Thanh	Ủy viên
Ông Lưu Đức Quang	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Huyền	Ủy viên

##### ***Ban Tổng Giám đốc***

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lưu Đức Quang	Tổng Giám đốc
Ông Lê Tiến Đông	Phó Tổng Giám đốc

##### ***Ban Kiểm soát***

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Hải Ninh	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên

##### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

##### **Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

**Tổng Giám đốc**



**Lưu Đức Quang**

Ngày 08 tháng 6 năm 2017





Kết nối - Phát triển

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**  
**NHANTAMVIET AUDITING COMPANY**

Số : 1705.04.01/2017/NVT2-BCTC  
Ngày : 08 tháng 6 năm 2017

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kính gửi : **Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex, được lập ngày 08 tháng 6 năm 2017 từ trang 07 đến trang 38, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### **Trụ Sở Chính:**

Số 187 đường Nguyễn Lương Bằng, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội 5  
[T] (84-4) 3761 3399 [F] (84-4) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

#### **Chi nhánh tại Hà Nội:**

47 Vũ Trọng Phụng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

#### **Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:**

Tòa nhà Hoàng Anh Safomec- 7/1 Thành Thái, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh

#### **Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:**

42/125 Trần Hưng Đạo, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

**Phó Tổng Giám đốc**

**Kiểm toán viên**



**Nguyễn Thị Hạnh**

GCNĐKHNTK số: 1690-2014-124-1

**Nguyễn Anh Tú**

GCNĐKHNTK số: 1482-2014-124-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B01 - CTCK

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>151.373.192.127</b>	<b>146.399.295.654</b>
<b>I. Tài sản tài chính</b>	<b>110</b>		<b>150.920.107.878</b>	<b>145.922.311.770</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111		68.466.996.048	87.783.057.054
1.1. Tiền	111.1	7.1	68.466.996.048	87.783.057.054
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	7.3.1	40.167.302.713	20.475.302.713
4. Các khoản cho vay	114	7.3.2	19.990.751.484	6.655.769.451
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	7.3.3	(14.189.837.156)	(9.773.994.203)
7. Các khoản phải thu	117	7.4.1	1.066.999.966	386.666.667
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		1.066.999.966	386.666.667
8. Trả trước cho người bán	118	7.4.2	35.373.287.500	40.373.287.500
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	7.4.3	29.067.363.785	29.050.582.610
12. Các khoản phải thu khác	122		5.680.733	5.473.933
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	7.5	(29.028.437.195)	(29.033.833.955)
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>130</b>		<b>453.084.249</b>	<b>476.983.884</b>
1. Tạm ứng	131		157.980.185	277.057.486
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	7.6 a	285.104.064	172.379.750
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		10.000.000	10.000.000
6. Thuê và các khoản phải thu Nhà nước	136		-	17.546.648
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5.587.968.331</b>	<b>5.871.846.379</b>
<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.506.460.053</b>	<b>2.597.388.000</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7.8	310.293.328	498.496.000
- Nguyên giá	222		9.479.020.073	9.843.534.988
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(9.168.726.745)	(9.345.038.988)
3. Tài sản cố định vô hình	227	7.9	1.196.166.725	2.098.892.000
- Nguyên giá	228		7.401.472.948	7.183.125.948
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(6.205.306.223)	(5.084.233.948)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>4.081.508.278</b>	<b>3.274.458.379</b>
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	7.6 b	49.711.867	37.543.336
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	7.7	4.031.796.411	3.236.915.043
<b>VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>156.961.160.458</b>	<b>152.271.142.033</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**

Chỉ tiêu NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>21.151.398.314</b>	<b>21.649.212.842</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>18.885.398.314</b>	<b>21.649.212.842</b>
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	7.10	5.959.938.349	12.723.414.529
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	7.11	627.616.341	1.288.745.216
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	7.12	198.700.000	198.700.000
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	7.13	5.513.164.903	26.076.579
11. Phải trả người lao động	323		648.513.218	496.409.343
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324	7.14	102.927.814	61.157.949
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	7.15	1.828.697.937	291.005.342
17. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	329	7.16	3.602.779.219	6.160.643.351
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		403.060.533	403.060.533
<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>		<b>2.266.000.000</b>	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	354	7.17	2.266.000.000	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>135.809.762.144</b>	<b>130.621.929.191</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>135.809.762.144</b>	<b>130.621.929.191</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.524.623.997	135.524.623.997
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		135.000.000.000	135.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		135.000.000.000	135.000.000.000
1.4. Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		524.623.997	524.623.997
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		539.355.743	539.355.743
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		14.731.745	14.731.745
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	7.18	(268.949.341)	(5.456.782.294)
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		(268.949.341)	(5.456.782.294)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>		-	-
<b>TỔNG CÔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>440</b>		<b>156.961.160.458</b>	<b>152.271.142.033</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Báo cáo tình hình tài chính** (tiếp theo)

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006		13.500.000	13.500.000
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	7.19	23.442.800.000	21.642.730.000
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	7.20	303.480.000	303.480.000
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	7.21	2.065.257.230.000	78.678.070.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		1.627.967.030.000	78.470.070.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		-	50.000.000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3			
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		434.523.000.000	-
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		2.767.200.000	158.000.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	7.22	44.930.000	250.007.140.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		44.930.000	7.140.000
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		-	250.000.000.000
7. Tiền gửi của khách hàng	026	7.23	82.861.668.854	8.599.839.797
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		74.030.662.781	5.204.346.690
7.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		8.831.006.073	3.395.493.107
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	029.1		8.831.006.073	3.395.493.107
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	7.24	88.821.607.203	16.647.490.327
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		88.821.607.203	16.647.490.327

Người lập biểu

Nguyễn Thùy Dung

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà

Lập ngày 08 tháng 6 năm 2017

Tổng Giám đốc



Lưu Đức Quang

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Năm 2016

Mẫu B02- CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		245.156.500	178.650
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	7.25	40.840.000	-
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	7.27	204.316.500	178.650
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		687.182.803	-
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		22.389.473.004	11.402.915.882
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		544.612.498	712.895.109
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	7.28	1.857.865.141	2.392.896.671
<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>20</b>		<b>25.724.289.946</b>	<b>14.508.886.312</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		4.679.197.953	9.942.782.257
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	7.25	263.355.000	3.617.001.497
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	7.26	4.415.842.953	6.325.780.760
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		6.089.002.110	3.268.842.878
2.9. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		717.463.728	-
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		244.509.597	-
2.12. Chi phí các dịch vụ khác	32	7.29	2.332.978.445	27.952.118
<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>40</b>		<b>14.063.151.833</b>	<b>13.239.577.253</b>
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		342.816.422	472.349.623
3.4. Doanh thu khác về đầu tư	44		2.213.969.530	786.666.667
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>50</b>	<b>7.30</b>	<b>2.556.785.952</b>	<b>1.259.016.290</b>
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
<b>Cộng chi phí tài chính</b>	<b>60</b>		<b>-</b>	
<b>V. CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>	<b>61</b>		<b>-</b>	
<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>62</b>	<b>7.31</b>	<b>8.759.116.599</b>	<b>8.432.207.080</b>
<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>70</b>		<b>5.458.807.466</b>	<b>(5.903.881.731)</b>
<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
8.1. Thu nhập khác	71		-	30.674.709.091
8.2. Chi phí khác	72		125.000.000	21.426.110
<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>	<b>80</b>		<b>(125.000.000)</b>	<b>30.653.282.981</b>
<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)</b>	<b>90</b>		<b>5.333.807.466</b>	<b>24.749.401.250</b>
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		5.333.807.466	24.749.401.250

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Báo cáo kết quả hoạt động (tiếp theo)**

<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>		<b>145.974.513</b>	<b>-</b>
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	7.32	145.974.513	-
<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)</b>	<b>200</b>		<b>5.187.832.953</b>	<b>24.749.401.250</b>
<b>XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN</b>	<b>300</b>			
Tổng thu nhập toàn diện	400		-	-
<b>XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>	<b>500</b>			
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	7.33	384,28	1.833,29
			384,28	1.833,29

Người lập biểu



Nguyễn Thùy Dung

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hà

Lập, ngày 08 tháng 06 năm 2017  
Tổng Giám đốc

Lưu Đức Quang



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		(509.629.008.077)	(86.096.500.750)
2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		470.810.234.044	77.317.495.718
3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03		(579.601.170)	(702.494.903)
4. Cổ tức đã nhận	04		204.316.500	-
5. Tiền lãi đã thu	05		1.844.596.450	617.847.521
7. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(4.008.580.219)	(46.788.175.998)
8. Tiền chi trả cho người lao động	08		(3.042.471.389)	(3.144.828.007)
9. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09		(132.000.000)	(10.161.846.285)
11. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		53.841.210.499	167.025.089.646
12. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(28.406.410.644)	(147.497.466.528)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(19.097.714.006)</b>	<b>(49.430.879.586)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21		(218.347.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	22		-	118.117.161.112
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(218.347.000)</b>	<b>118.117.161.112</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(19.316.061.006)</b>	<b>68.686.281.526</b>
<b>V. Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>7.1</b>	<b>87.783.057.054</b>	<b>19.096.775.528</b>
<b>VI. Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>7.1</b>	<b>68.466.996.048</b>	<b>87.783.057.054</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

#### PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

##### I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng

1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	8.821.305.184.266	5.910.860.759.164
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(8.746.974.905.209)	(5.930.040.462.295)
13. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	13	(68.450.000)	(11.632.300.000)
<b>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>	<b>20</b>	<b>74.261.829.057</b>	<b>(30.812.003.131)</b>

##### II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng

Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	30	8.599.839.797	39.410.523.225
	31	8.599.839.797	39.410.523.225
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	5.204.346.690	6.234.377.069
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	33	3.395.493.107	33.176.146.156

##### III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)

	40	82.861.668.854	8.598.520.094
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	41	82.861.668.854	8.598.520.094
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	74.030.662.781	5.203.026.987
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	8.831.006.073	3.395.493.107

Người lập biểu

Nguyễn Thùy Dung

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà

Lập, ngày 08 tháng 6 năm 2017

Tổng Giám đốc



Lưu Đức Quang

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Năm 2016

Mẫu B04 - CTCK  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>
<b>I. Biến động vốn chủ sở hữu</b>									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.524.623.997	135.524.623.997	-	-	-	-	135.524.623.997	135.524.623.997
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	-	-	135.000.000.000	135.000.000.000
1.5. Vốn khác của chủ sở hữu		524.623.997	524.623.997	-	-	-	-	524.623.997	524.623.997
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		539.355.743	539.355.743	-	-	-	-	539.355.743	539.355.743
7. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		14.731.745	14.731.745	-	-	-	-	14.731.745	14.731.745
8. Lợi nhuận chưa phân phối		(30.206.183.544)	(5.456.782.294)	24.749.401.250	-	5.187.832.953	-	(5.456.782.294)	(268.949.341)
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện		(30.206.183.544)	(5.456.782.294)	24.749.401.250	-	5.187.832.953	-	(5.456.782.294)	(268.949.341)
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>105.872.527.941</b>	<b>130.621.929.191</b>	<b>24.749.401.250</b>	<b>-</b>	<b>5.187.832.953</b>	<b>-</b>	<b>130.621.929.191</b>	<b>135.809.762.144</b>
<b>II. Thu nhập toàn diện khác</b>									
<b>Cộng</b>									

Người lập biểu



Nguyễn Thùy Dung

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hà

Ngày lập: 30/12/2016, Ngày 08 tháng 06 năm 2017  
Tổng Giám đốc



Lưu Đức Quang



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2016**

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **1.1 Giấy chứng nhận thành lập Công ty Chứng khoán**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK – GP ngày 03 tháng 3 năm 2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/ GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013; Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 06/06/2014; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 17/GPĐC-UBCK ngày 5/8/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thay đổi trụ sở chính. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

#### **1.2 Địa chỉ liên hệ của Công ty Chứng khoán**

Địa chỉ: Tầng 5 Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội  
Mã số thuế: 0 1 0 2 6 6 9 3 6 8

#### **1.3 Điều lệ hoạt động công ty chứng khoán:** Ban hành ngày 17 tháng 03 năm 2008 và sửa đổi, bổ sung vào ngày 11 tháng 4 năm 2015

#### **1.4 Ngành nghề kinh doanh chính**

Môi giới chứng khoán;  
Tự doanh chứng khoán;  
Tư vấn đầu tư chứng khoán.

#### **1.5 Quy mô vốn**

Vốn điều lệ theo Quyết định 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008 là: 135.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).

#### **1.6 Hạn chế đầu tư và cho vay**

Thực hiện theo Điều 43, 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

#### **1.7 Cấu trúc doanh nghiệp**

*Danh sách đơn vị trực thuộc :*

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 1129/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Địa chỉ : Số 86-88 Phố Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh



## **2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính.

### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 210/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính.

### **3.3 Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **4.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền của khách hàng được hạch toán, theo dõi tách biệt và được tổng hợp tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính của Công ty gồm: Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý; Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng; Tiền gửi của Tổ chức phát hành; Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư.

### **4.2 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.**

*Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của CTCK*

Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn (không bao gồm khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng đã được trình bày tại chỉ tiêu "Các khoản tương đương tiền").

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOAN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

### **Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:**

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ là các tài sản được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua các hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời như: cổ phiếu, trái phiếu, công cụ tiền tệ, công cụ phái sinh.

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được ghi nhận theo giá gốc là giá mua thực tế hoặc giá khớp lệnh mua và không bao gồm các chi phí mua như: Phí môi giới, phí giao dịch, phí ngân hàng.... Khi bán, giá vốn của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm bán.

### **Các khoản cho vay:**

Các khoản cho vay thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty chứng khoán là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các cam kết cho vay phát sinh bao gồm: Cam kết cho vay theo hợp đồng margin hoặc hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng;

### **Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính:**

a, Cuối kỳ kế toán, nếu giá trị thị trường của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ bị giảm xuống thấp hơn giá gốc, kế toán lập dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	=	Số lượng chứng khoán bị giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính	X	Gía chứng khoán hạch toán trên sổ kế toán	Gía chứng khoán thực tế trên thị trường
--	---	---	---	--	---

- Đối với chứng khoán đã niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Giá trị lập dự phòng giảm giá tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ trong kỳ được ghi nhận tăng chi phí của Công ty là số chênh lệch dương giữa giá trị dự phòng kỳ này và giá trị dự phòng đã trích lập tính cho từng tài sản tài chính cụ thể. Trường hợp chênh lệch là số âm (tức có hoàn nhập dự phòng) thì được ghi nhận giảm chi phí tương ứng trong kỳ của Công ty.

b, Cuối niên độ kế toán, nếu có bằng chứng khách quan nào cho thấy sự suy giảm giá trị của một hoặc một nhóm tài sản cho vay thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng và ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

### **4.3 Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi (-) các khoản dự phòng được ước tính cho các khoản phải thu khó đòi dựa trên cơ sở xem xét của Ban Tổng Giám đốc đối với các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để trích lập dự phòng.

#### 4.4 Nguyên tắc ghi nhận và trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	6 - 10
Máy móc thiết bị	10
Phần mềm tin học	20

#### 4.5 Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### 4.6 Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

##### *Nguyên tắc phân loại các khoản phải trả*

Các khoản phải trả, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

##### *Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.*

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOAN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

***Phải trả tổ chức phát hành***

Phải trả tổ chức phát hành phản ánh tình hình nhận và thanh toán cho Tổ chức phát hành về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do CTCK thực hiện, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

***Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán***

Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán phản ánh số hiện có và tình hình biến động về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý và ngân hàng thương mại quản lý.

***Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán***

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh tình hình thanh toán với Sở GDCK và Trung tâm lưu ký CK về phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký chứng khoán, phí bù trừ thanh toán chứng khoán.

***Chi phí phải trả***

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này là: phí giao dịch và các phí khác liên quan đến hoạt động của công ty.

***Dự phòng phải trả***

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng phải trả hiện có, tình hình trích lập và sử dụng dự phòng phải trả của doanh nghiệp.

a) Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;

- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và

- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

b) Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

d) Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả trích lập trong năm là cho khoản phải trả bà Đường Thị Quy – chủ tài khoản chứng khoán 083C003060 theo thông báo thụ lý vụ án ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân Quận Nam Từ Liêm yêu cầu Công ty hoàn trả số tiền gốc 4.000.000.000 và lãi suất hàng tháng phát sinh từ số dư trong tài khoản có liên thông với các tài khoản khác đang nợ Công ty chưa có khả năng hoàn trả với số tiền là 2.266.000.000 VND.

**4.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

***Các Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu***

Được ghi nhận theo quyết định phân phối lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông.



**Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

**4.8 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

**Doanh thu hoạt động tư vấn**

Doanh thu hoạt động tư vấn được ghi nhận trên kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

**Doanh thu, thu nhập về kinh doanh các tài sản tài chính tự doanh**

Thu nhập bán các tài sản tài chính: được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính đã bán ra.

Điều kiện ghi nhận doanh thu, thu nhập về kinh doanh các tài sản tài chính tự doanh:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản tài chính đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý tài sản tài chính như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát tài sản tài chính;
- Doanh thu, thu nhập được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán tài sản tài chính;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán tài sản tài chính.

Các thu nhập phát sinh khác từ các tài sản tài chính: Lãi cho vay từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật chứng khoán; Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các tài sản tài chính, mà không bao gồm các khoản thu nhập phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết, đầu tư vào công ty con (các khoản thu nhập này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính).

Điều kiện ghi nhận các thu nhập phát sinh khác từ các tài sản tài chính:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ cho khách hàng:**

Phương pháp ghi nhận doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng: doanh thu được thực hiện trên các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán mà Công ty được cấp phép hoạt động, bao gồm:

*Doanh thu về nghiệp vụ môi giới chứng khoán:* Là khoản phí môi giới chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ việc cung cấp dịch vụ về nghiệp vụ môi giới chứng khoán cho khách hàng và được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

*Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phương thức bảo lãnh và hưởng phí bảo lãnh:* Là số phí được hưởng tính trên giá trị chứng khoán bảo lãnh phát hành đã được phát hành, đã thu tiền và tỷ lệ phí theo thỏa thuận. Doanh thu này được ghi nhận khi có Biên bản quyết toán với Tổ chức phát hành chứng khoán.

*Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phương thức hưởng chiết khấu tiền bán chứng khoán đã được phát hành:* Là khoản chênh lệch giữa chứng khoán đã phát hành, đã thu tiền với giá chiết khấu chứng khoán đã thỏa thuận thanh toán lại với Tổ chức phát hành. Doanh thu này được ghi nhận khi có Biên bản quyết toán với Tổ chức phát hành chứng khoán.

*Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán:* là số tiền hoa hồng được hưởng từ đại lý phát hành chứng khoán cho Tổ chức phát hành hoặc cho Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán tính trên giá trị chứng khoán đã phát hành, đã thu tiền cho người giao đại lý phát hành chứng khoán.

*Doanh thu về nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán:* là số phí được hưởng từ nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán cho khách hàng đã thực hiện trong kỳ.

*Doanh thu về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:* là số phí được hưởng khi cung cấp các nghiệp vụ về lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật. Bao gồm: Cung cấp dịch vụ đăng ký, lưu ký chứng khoán, thanh toán các giao dịch chứng khoán; Dịch vụ quản lý sổ cổ đông, đại lý chuyển nhượng...

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

*Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính:* là doanh thu phát sinh từ việc cung cấp các dịch vụ tư vấn trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng tư vấn.

*Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ của CTCK:*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

- Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Doanh thu đầu tư khác...

#### 4.9 Nguyên tắc kế toán chi phí hoạt động CTCK, chi phí hoạt động tài chính, chi phí quản lý công ty chứng khoán.

*Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh:* bao gồm: Chi phí mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ; các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính và chi phí hoạt động tự doanh.

*Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ:* phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh và dự chi liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ của công ty chứng khoán.

*Chi phí hoạt động tài chính bao gồm:* Chênh lệch tỷ giá hối đoái; Chi phí lãi vay; Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

*Chi phí quản lý CTCK:* phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh và dự chi có liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý công ty chứng khoán.

#### 4.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là chi phí thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển. Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

## 5. QUẢN TRỊ VỀ RỦI RO TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CTCK

### 5.1 Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính đối với CTCK

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả kinh doanh của Công ty.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

#### **5.2 Rủi ro tín dụng:**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty, Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng được đánh giá ở mức thấp. Công ty có rủi ro tín dụng từ các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng, hoạt động giao dịch ký quỹ và đầu tư tài chính. Mức rủi ro tín dụng tối đa với mỗi nhóm tài sản chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán.

##### ***Phải thu khách hàng***

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ theo đúng hợp đồng. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của các khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

##### ***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

##### ***Đầu tư tài chính***

Các khoản đầu tư tài chính của công ty bị giảm giá và Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tại thời điểm lập báo cáo tài chính của Công ty. Tuy nhiên, đối với chứng khoán chưa niêm yết, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng do các chứng khoán này không phát sinh giao dịch nên không xác định được giá thị trường.

#### **5.3 Rủi ro thanh khoản:**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

#### **5.4 Rủi ro thị trường:**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro; rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá khác, ví dụ như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi các khoản đầu tư ngắn hạn. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.



**5.5 Rủi ro tiền tệ:**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty duy trì số dư tài sản bằng tiền có gốc ngoại tệ ở mức độ hợp lý để đảm bảo đáp ứng như cầu sử dụng thường xuyên và đảm bảo nghĩa vụ phải trả đến hạn bằng tiền có gốc ngoại tệ.

**5.6 Các rủi ro về giá**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám Đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Sự tăng (hoặc giảm) của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

**6. CÁC CHÍNH SÁCH ĐỊNH GIÁ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH THUỘC DANH MỤC TÀI SẢN TÀI CHÍNH CỦA CTCK**

Chưa áp dụng do Chế độ kế toán chưa cho phép áp dụng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOAN ARTEX**Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH****A. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH****A.7.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	144.720.009	82.058.690
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	68.310.679.479	87.685.562.077
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	11.596.560	15.436.287
<b>Cộng</b>	<b>68.466.996.048</b>	<b>87.783.057.054</b>

**A.7.2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</b>	<b>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</b>
<b>a. Của công ty chứng khoán</b>	<b>384.180</b>	<b>31.005.655.000</b>
- Cổ phiếu	384.180	31.005.655.000
<b>b. Của nhà đầu tư</b>	<b>395.458.530</b>	<b>14.854.607.926.300</b>
- Cổ phiếu	395.458.530	14.854.607.926.300
<b>Tổng cộng</b>	<b>395.842.710</b>	<b>14.885.613.581.300</b>

**A.7.3. Các loại tài sản tài chính****7.3.1. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Cổ phiếu niêm yết	39.570.293.113	26.567.985.557	19.878.293.113	10.339.024.807
Cổ phiếu chưa niêm yết	597.009.600	363.480.000	597.090.600	363.480.000
<b>Cộng</b>	<b>40.167.302.713</b>	<b>26.931.465.557</b>	<b>20.475.383.713</b>	<b>10.701.389.510</b>

**7.3.2. Các khoản cho vay và phải thu**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Cho vay hoạt động Margin	10.227.772.503	10.227.772.503	863.977.451	863.977.451
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	9.762.978.981	9.762.978.981	5.791.792.000	5.791.792.000
<b>Cộng</b>	<b>19.990.751.484</b>	<b>19.990.751.484</b>	<b>6.655.769.451</b>	<b>6.655.769.451</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

**7.3.3. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp**

STT	Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng kỳ này				Giá trị lập dự phòng kỳ trước	Mức trích lập/hoàn nhập kỳ này
		Số lượng	Giá sổ sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng kỳ này		
<b>I</b>	<b>TSTC FVTPL</b>						
<b>1</b>	<b>Cổ phiếu NY</b>	<b>2.344.280</b>	<b>39.570.293.113</b>	<b>26.567.985.557</b>	<b>13.956.307.556</b>	<b>9.540.464.603</b>	<b>4.415.842.953</b>
	FLC	180.000	1.611.295.233	936.000.000	675.295.233	189.295.233	486.000.000
	HAI	230.000	2.500.000.000	775.100.000	1.724.900.000	1.304.000.000	420.900.000
	KLF	1.753.861	15.762.290.000	4.209.266.400	11.553.023.600	8.045.301.600	3.507.722.000
	ROS	180.000	19.692.000.000	20.646.000.000	-	-	-
	Các cp khác	419	4.707.880	1.619.157	3.088.723	1.867.770	1.220.953
<b>2</b>	<b>Cổ phiếu CNY</b>	<b>30.348</b>	<b>597.009.600</b>	<b>363.480.000</b>	<b>233.529.600</b>	<b>233.529.600</b>	-
	TECHCOMBANK	25.348	487.009.600	253.480.000	233.529.600	233.529.600	-
	ITASCO	5.000	110.000.000	110.000.000	-	-	-
<b>3</b>	<b>Trái phiếu</b>	-	-	-	-	-	-
	Cộng	<b>2.374.628</b>	<b>40.167.302.713</b>	<b>26.931.465.557</b>	<b>14.189.837.156</b>	<b>9.773.994.203</b>	<b>4.415.842.953</b>
<b>II</b>	<b>TSTC HTM</b>	-	-	-	-	-	-
<b>III</b>	<b>TSTC cho vay</b>	-	-	-	-	-	-
<b>IV</b>	<b>TSTC AFS</b>	-	-	-	-	-	-
	Cộng	<b>2.374.628</b>	<b>40.167.302.713</b>	<b>26.931.465.557</b>	<b>14.189.837.156</b>	<b>9.773.994.203</b>	<b>4.415.842.953</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - CTCK

**A.7.4. Các khoản phải thu****7.4.1. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Phải thu lãi của Hợp đồng hợp tác đầu tư đã tất toán</i>	<i>1.066.999.966</i>	<i>386.666.667</i>
<b>Cộng</b>	<b>1.066.999.966</b>	<b>386.666.667</b>

**7.4.2. Trả trước cho người bán**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty CP Địa Ốc Star Hà Nội(*)	35.000.000.000	40.000.000.000
Các đối tượng khác	373.287.500	373.287.500
<b>Cộng</b>	<b>35.373.287.500</b>	<b>40.373.287.500</b>

(\*) Là khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Địa ốc Star Hà Nội để đặt cọc thuê một phần diện tích văn phòng thuộc tòa nhà FALCON Hà Đông theo hợp đồng đặt cọc HĐ/STAR-ART ngày 24 tháng 04 năm 2015. Trong năm 2016 đơn vị đã thu hồi 5 tỷ do hai bên thỏa thuận giảm số tiền đặt cọc.

**7.4.3. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	28.505.280	16.748.655
Phải thu hoạt động tư vấn	141.000.000	141.000.000
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	10.421.310	-
Phải thu dịch vụ khác	28.887.437.195	28.892.833.955
<b>Cộng</b>	<b>29.067.363.785</b>	<b>29.050.582.610</b>
<i>Trong đó: Chi tiết các khoản phải thu khó đòi</i>	<i>29.028.437.195</i>	<i>29.033.833.955</i>

**A.7.5. Dự phòng phải thu khó đòi**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Số đầu năm	(29.033.833.955)	(29.024.959.228)
Số trích lập/ hoàn nhập trong năm	5.396.760	(8.874.727)
<b>Số cuối năm</b>	<b>(29.028.437.195)</b>	<b>(29.033.833.955)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHUNG KHOAN ARTEX**Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

Chi tiết số dư dự phòng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	TC	Năm 2016		
				Số đầu năm	Số trích lập/hoàn nhập trong năm	Số cuối năm
1	Dự phòng khó đòi phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp					
	Đặng Thị Hoàn	1.985.767.855		1.985.767.855		1.985.767.855
	Đặng Thị Hồng Hà	1.802.130.395		1.802.130.395		1.802.130.395
	Đinh Thị Kim Thúy	1.128.657.078		1.128.657.078		1.128.657.078
	Mai Đức Nam	2.392.082.423		2.392.082.423		2.392.082.423
	Nguyễn Thị Cẩm Tú	3.245.015.924		3.245.015.924		3.245.015.924
	Nguyễn Thị Nga	1.744.423.468		1.744.423.468		1.744.423.468
	Nguyễn Trà My	2.444.898.378		2.444.898.378		2.444.898.378
	Nguyễn Tuấn Anh	3.167.341.425		3.167.341.425		3.167.341.425
	Võ Hưng Hiếu	2.791.041.936		2.791.041.936		2.791.041.936
	Khách hàng khác	8.327.078.313		8.332.475.073	(5.396.760)	8.327.078.313
	<b>Cộng</b>	<b>29.028.437.195</b>		<b>29.033.833.955</b>	<b>(5.396.760)</b>	<b>29.028.437.195</b>

**A.7.6. Chi phí trả trước****a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phần mềm máy tính	24.575.000	9.625.000
Chi phí công cụ dụng cụ	3.493.336	11.495.000
Chi phí liên quan hoạt động chứng khoán	1.333.330	1.997.000
Chi phí bảo trì hệ thống	200.000.000	-
Chi phí khác	55.702.398	149.262.750
<b>Cộng</b>	<b>285.104.064</b>	<b>172.379.750</b>

**b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	19.746.309	36.019.000
Chi phí khác	29.965.558	1.524.336
<b>Cộng</b>	<b>49.711.867</b>	<b>37.543.336</b>

**A.7.7. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	3.696.516.213	2.178.567.368
Tiền lãi được phân bổ trong kỳ	215.280.198	938.347.675
<b>Cộng</b>	<b>4.031.796.411</b>	<b>3.236.915.043</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHUNG KHOAN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - CTCK

**A.7.8. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	8.457.655.276	1.098.957.300	286.922.412	9.843.534.988
Giảm do phân loại lại theo thông tư 45	(364.514.915)	-	-	(364.514.915)
Phân loại lại	(71.549.620)	-	71.549.620	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>8.021.590.741</b>	<b>1.098.957.300</b>	<b>358.472.032</b>	<b>9.479.020.073</b>
<i>Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng</i>	7.821.497.656	1.098.957.300	358.472.032	9.278.926.988
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	7.959.159.276	1.098.957.300	286.922.412	9.345.038.988
Giảm do phân loại lại theo thông tư 45	(364.514.915)	-	-	(364.514.915)
Phân loại lại	(71.549.620)	-	71.549.620	-
Khấu hao trong năm	188.202.672	-	-	188.202.672
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.711.297.413</b>	<b>1.098.957.300</b>	<b>358.472.032</b>	<b>9.168.726.745</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	498.496.000	-	-	498.496.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>310.293.328</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>310.293.328</b>

**A.7.9. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Chương trình phần mềm</b>	<b>Tài sản cố định vô hình khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	5.818.343.400	1.364.782.548	7.183.125.948
Tăng trong năm	218.347.000	-	218.347.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.036.690.400</b>	<b>1.364.782.548</b>	<b>7.401.472.948</b>
<i>Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng</i>	2.598.343.400	1.364.782.548	3.963.125.948
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	3.719.451.400	1.364.782.548	5.084.233.948
Khấu hao trong năm	1.121.072.275	-	1.121.072.275
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.840.523.675</b>	<b>1.364.782.548</b>	<b>6.205.306.223</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	2.098.892.000	-	2.098.892.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.196.166.725</b>	<b>-</b>	<b>1.196.166.725</b>

**A.7.10. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)	-	4.675.764.000
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	5.959.938.349	8.047.650.529
<b>Cộng</b>	<b>5.959.938.349</b>	<b>12.723.414.529</b>

**A.7.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV FLC Land (Công ty CP FLC Land)	176.542.741	934.373.641
Công ty luật TNHH SMIC	268.159.100	268.159.100
Công ty CP công nghệ tin học và dịch vụ Goline	90.000.000	-
Các đối tượng khác	92.914.500	86.212.475
<b>Cộng</b>	<b>627.616.341</b>	<b>1.288.745.216</b>

**A.7.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty tài chính Ninh Bắc	115.500.000	115.500.000
Công ty CP KT nền móng và công trình ngầm FECON	20.000.000	20.000.000
Các đối tượng khác	63.200.000	63.200.000
<b>Cộng</b>	<b>198.700.000</b>	<b>198.700.000</b>

**A.7.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	128.427.865	-
Thuế thu nhập cá nhân	5.384.737.038	26.076.579
<b>Cộng</b>	<b>5.513.164.903</b>	<b>26.076.579</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Thuế suất thuế GTGT đối với doanh thu dịch vụ môi giới chứng khoán là 0%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

**Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác công ty kê khai và nộp theo quy định.

**A.7.14. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	101.245.486	59.475.621
Bảo hiểm xã hội	1.682.328	1.682.328
<b>Cộng</b>	<b>102.927.814</b>	<b>61.157.949</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOAN ARTEX**Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - CTCK

**A.7.15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoạt động (phí giao dịch tháng 12/2016)	1.551.243.511	-
Chi phí tư vấn pháp luật	172.425.000	172.425.000
Chi phí quản lý CTCK	105.029.426	118.580.342
<b>Cộng</b>	<b>1.828.697.937</b>	<b>291.005.342</b>

**A.7.16. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả UTTB tại Ngân hàng của khách hàng bán CK	-	5.791.792.000
Bà Hoàng Kiều Trang(*)	3.520.082.487	-
Phải trả, phải nộp khác	82.696.732	368.851.351
<b>Cộng</b>	<b>3.602.779.219</b>	<b>6.160.643.351</b>

(\*) Theo Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 52/2015/KDTM-PT ngày 08/06/2015 Tòa án Nhân dân Hà Nội yêu cầu Công ty hoàn trả cho bà Hoàng Kiều Trang số tiền 7.230.000.000 VND (trong đó có 1.230.000.000 VND là tiền bồi thường). Trong tháng 3 năm 2016, Chi cục Thi hành án Nam Từ Liêm ra các quyết định phong tỏa và khấu trừ 3.709.917.513 VND trên tài khoản ngân hàng của Công ty và chuyển cho bà Trang vào ngày 18/06/2016. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, công ty còn phải trả cho bà Trang 3.520.082.487 VND.

**A.7.17. Dự phòng phải trả dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi phải trả TK 083C003060-Đường Thị Quy (*)	2.266.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.266.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Theo thông báo thụ lý vụ án ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân Quận Nam Từ Liêm về việc Bà Đường Thị Quy chủ tài khoản chứng khoán 083C003060 yêu cầu Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex phải hoàn trả số tiền gốc 4.000.000.000 VND và tiền lãi hàng tháng phát sinh từ số dư trên. Theo đó, Công ty đã tạm tính lãi suất hàng tháng phát sinh từ số dư trong tài khoản tương ứng với lãi suất cơ bản của NHNN 9%/năm là 2.266.000.000 VND.

**A.7.18. Lợi nhuận chưa phân phối**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	(268.949.341)	(5.456.782.294)
<b>Cộng</b>	<b>(268.949.341)</b>	<b>(5.456.782.294)</b>

**A.7.19. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của CTCK**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	23.442.800.000	21.642.730.000
<b>Cộng</b>	<b>23.442.800.000</b>	<b>21.642.730.000</b>

**A.7.20. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu	303.480.000	303.480.000
<b>Cộng</b>	<b>303.480.000</b>	<b>303.480.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHUNG KHOAN ARTEX**Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

**A.7.21. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.627.967.030.000	78.470.070.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	-	50.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	434.523.000.000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	2.767.200.000	158.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.065.257.230.000</u></b>	<b><u>78.678.070.000</u></b>

**A.7.22. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	44.930.000	7.140.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	-	250.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>44.930.000</u></b>	<b><u>250.007.140.000</u></b>

**A.7.23. Tiền gửi của Nhà đầu tư**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	74.030.662.781	5.204.346.690
<i>Của nhà đầu tư trong nước</i>	<i>74.030.662.781</i>	<i>5.204.346.690</i>
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	8.831.006.073	3.395.493.107
<i>Của nhà đầu tư trong nước</i>	<i>8.831.006.073</i>	<i>3.395.493.107</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>82.861.668.854</u></b>	<b><u>8.599.839.797</u></b>

**A.7.24. Phải trả Nhà đầu tư**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	88.821.607.203	16.647.490.327
<i>Của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>88.821.607.203</i>	<i>16.647.490.327</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>88.821.607.203</u></b>	<b><u>16.647.490.327</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

**B. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

**B.7.25. Lãi lỗ bán các tài sản tài chính**

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước
A	B	1	2	3=1*2	4	5=3-4	6	7	
1	Cổ phiếu niêm yết	204.180	55.410	11.313.655.000	11.536.170.000	(222.515.000)	(222.515.000)	(222.515.000)	(3.617.001.497)
	+ VFG	204.180	55.410	11.313.655.000	11.536.170.000	(222.515.000)	(222.515.000)	(222.515.000)	-
	+ Khác	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-	-	-	(3.617.001.497)
3	Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	-	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>204.180</b>	<b>55.410</b>	<b>11.313.655.000</b>	<b>11.536.170.000</b>	<b>(222.515.000)</b>	<b>(222.515.000)</b>	<b>(222.515.000)</b>	<b>(3.617.001.497)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

**B.7.26. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính**

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán kỳ này
A	B	C	D	E=C-D	F	G=E-F
I	Loại FVTPL	20.475.302.713	6.285.465.557	14.189.837.156	9.773.994.203	4.415.842.953
1	Cổ phiếu niêm yết	19.878.293.113	5.921.985.557	13.956.307.556	9.540.464.603	4.415.842.953
2	Cổ phiếu chưa niêm yết					
3	Trái phiếu niêm yết	597.009.600	363.480.000	233.529.600	233.529.600	-
4	Trái phiếu chưa niêm yết					
5	Công cụ thị trường tiền tệ					
6	Các khoản đầu tư phái sinh niêm yết					
7	Các khoản đầu tư phái sinh chưa niêm yết					
8	Các khoản đầu tư cho vay					
9	Các khoản đầu tư đem thế chấp					
10	Các khoản đầu tư mua chưa chuyển quyền sở hữu					
II	Loại HTM	-	-	-	-	-
III	Loại các khoản cho vay và phải thu	-	-	-	-	-
IV	Loại AFS	-	-	-	-	-
	<b>Cộng</b>	<b>20.475.302.713</b>	<b>6.285.465.557</b>	<b>14.189.837.156</b>	<b>9.773.994.203</b>	<b>4.415.842.953</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOAN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - CTCK

**B.7.27.Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính		
FVTPL	204.316.500	178.650
<b>Cộng</b>	<b>204.316.500</b>	<b>178.650</b>

**B.7.28.Doanh thu ngoài các thu nhập tài sản tài chính**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu hoạt động quản lý TK khách hàng	1.857.865.141	2.392.896.672
<b>Cộng</b>	<b>1.857.865.141</b>	<b>2.392.896.672</b>

**B.7.29.Chi phí ngoài chi phí các tài sản tài chính**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(5.396.760)	-
Dự phòng chi phí phải trả	2.266.000.000	-
Chi phí khác	72.375.205	27.952.118
<b>Cộng</b>	<b>2.332.978.445</b>	<b>27.952.118</b>

**B.7.30.Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	342.825.422	472.349.623
Doanh thu cho vay margin, UTTB	2.060.333.166	786.666.667
Doanh thu hoạt động tài chính khác	153.627.364	-
<b>Cộng</b>	<b>2.556.785.952</b>	<b>1.259.016.290</b>

**B.7.31.Chi phí quản lý của công ty chứng khoán**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.828.203.127	3.415.828.970
Chi phí công cụ, dụng cụ	219.524.713	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.309.274.947	1.121.236.000
Chi phí thuế, phí và lệ phí	109.060.564	224.057.940
Chi phí dự phòng và hoàn nhập dự phòng	-	9.125.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.063.053.248	3.606.860.658
Chi phí khác	1.230.000.000	55.097.688
<b>Cộng</b>	<b>8.759.116.599</b>	<b>8.432.207.080</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - CTCK

**B.7.32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.333.807.466
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.101.625.068
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.101.625.068
Chi phí không được trừ khi tính thuế	1.101.625.068
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Thu nhập chịu thuế	<b>6.435.432.534</b>
Lỗi các năm trước được chuyển	(5.705.559.969)
Thu nhập tính thuế	729.872.565
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>145.974.513</b>

**B.7.33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.187.832.953	24.749.401.251
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.500.000	13.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>384,28</b>	<b>1.833,29</b>

**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long T.D.K.

Một số chỉ tiêu đầu năm trên Báo cáo tình hình tài chính và Báo cáo kết quả hoạt động đã được Công ty phân loại lại cho phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 210 /2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính. Chi tiết được trình bày tại phụ lục 1.

Người lập biểu

Nguyễn Thùy Dung

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà

Lập, ngày 08 tháng 6 năm 2017

Tổng Giám đốc



Lưu Đức Quang



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

**Phụ lục 01: Chi tiết thay đổi thông tin so sánh**

**I. Các chỉ tiêu liên quan đến Báo cáo tình hình tài chính**

Số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2015			Số liệu trình bày lại trên Báo cáo tài chính năm 2016		
Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền	Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền
Tiền	111	96.382.896.851	Tiền	111	87.783.057.054
Đầu tư ngắn hạn	121	20.475.302.713	Tiền gửi của khách hàng	026	8.599.839.797
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	(9.773.994.203)	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	20.475.302.713
Phải thu khách hàng	131	141.000.000	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	(9.773.994.203)
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	29.773.560.061	Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	29.050.582.610
Trả trước cho người bán	132	40.373.287.500	Trả trước cho người bán	118	40.373.287.500
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	29.773.560.061	Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	29.050.582.610
Các khoản phải thu khác	138	392.140.600	Các khoản phải thu khác	122	5.473.933
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(29.033.833.955)	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	386.666.667
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	172.379.750	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	(29.033.833.955)
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	17.546.648	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	172.379.750
Tài sản ngắn hạn khác	158	287.057.486	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	136	17.546.648
Chi phí trả trước dài hạn	261	37.543.336	Tạm ứng	131	277.057.486
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	3.236.915.043	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	10.000.000
Phải trả người bán	312	1.288.745.216	Chi phí trả trước dài hạn	252	37.543.336
Người mua trả tiền trước	313	198.700.000	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	3.236.915.043
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	26.076.579	Phải trả người bán ngắn hạn	320	1.288.745.216
Phải trả người lao động	315	496.409.343	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	198.700.000
Chi phí phải trả	316	291.005.342	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	26.076.579
			Phải trả người lao động	323	496.409.343
			Chi phí phải trả ngắn hạn	325	291.005.342

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - CTCK

Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	430.009.300	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	6.160.643.351
Các khoản trích lập phúc lợi nhân viên	324	-	Các khoản cho vay	114	(6.655.769.451)
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	21.323.254.326	Các khoản trích lập phúc lợi nhân viên	324	61.157.949
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	403.060.533	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	12.723.414.529
Quỹ dự phòng tài chính	418	539.355.743	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	16.647.490.327
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	539.355.742	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331	403.060.533
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(5.456.782.294)	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415	539.355.743
			Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416	14.731.745
			Vốn khác của chủ sở hữu	411.4	524.623.997
			Lợi nhuận chưa phân phối	417	(5.456.782.294)

**II. Các chỉ tiêu liên quan đến Báo cáo kết quả hoạt động**

Số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2015			Số liệu trình bày lại trên Báo cáo tài chính năm 2016		
Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền	Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1	11.402.915.882	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	11.402.915.882
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	178.650	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	178.650
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6	712.895.109	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	712.895.109
Doanh thu khác	01.9	3.651.912.961	Thu nhập hoạt động khác	11	2.392.896.671
			Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	472.349.623
			Doanh thu khác về đầu tư	44	786.666.667
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	13.239.577.253	Lỗ bán các tài sản tài chính	21.1	3.617.001.497
			Chênh lệch giám định giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	21.2	6.325.780.760
			Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	3.268.842.878
			Chi phí các dịch vụ khác	32	27.952.118
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	8.432.207.080	Chi phí quản lý công ty chứng khoán	62	8.432.207.080

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
**BẢO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

Thu nhập khác	31	30.674.709.091	Thu nhập khác	71	30.674.709.091
Chi phí khác	32	21.426.110	Chi phí khác	72	21.426.110
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.833,29	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	501	1.833,29

